

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 19

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Hoàng Văn Ty	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Mến	Thành viên
Bà Nguyễn Tuyết Nhung	Thành viên
Bà Hoàng Thị Kim	Thành viên
Ông Đặng Ngọc Thông	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Hoàng Văn Ty	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Mến	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Vĩnh	Phó Giám đốc
Ông Ngô Lê Quế	Phó Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

---

**Hoàng Văn Ty**  
**Giám đốc**

*Thái Bình, ngày 17 tháng 03 năm 2014*

Số: /VACO/BCKT.NV2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 17/03/2014, từ trang 03 đến trang 19, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “Báo cáo tài chính”).

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

---

**Nguyễn Đức Tiên**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán 0517-2013-156-1

---

**Nguyễn Phương Lan**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán 0917-2013-156-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
*Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2014*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Mẫu B 01-DN**  
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>30.157.546.440</b>	<b>23.682.119.836</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>773.806.820</b>	<b>2.152.126.680</b>
1. Tiền	111		773.806.820	2.152.126.680
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>11.373.825.179</b>	<b>8.225.769.561</b>
1. Phải thu khách hàng	131	6	11.206.904.239	8.043.501.774
2. Trả trước cho người bán	132		165.000.000	130.165.000
3. Các khoản phải thu khác	135		1.920.940	52.102.787
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>17.574.351.243</b>	<b>12.632.131.994</b>
1. Hàng tồn kho	141		17.574.351.243	12.632.131.994
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>435.563.198</b>	<b>672.091.601</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		435.563.198	666.091.601
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	6.000.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220)</b>	<b>200</b>		<b>22.626.017.176</b>	<b>18.711.372.484</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>8</b>	<b>12.294.756.166</b>	<b>8.711.372.484</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		12.294.756.166	5.328.112.663
- Nguyên giá	222		15.711.438.943	7.603.844.945
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.416.682.777)	(2.275.732.282)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	3.383.259.821
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	9	10.000.000.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	10.000.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>331.261.010</b>	<b>-</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	331.261.010	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>52.783.563.616</b>	<b>42.393.492.320</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MẪU B 01-DN**  
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)</b>	<b>300</b>		<b>15.145.183.118</b>	<b>5.053.992.957</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>15.145.183.118</b>	<b>5.053.992.957</b>
1. Phải trả người bán	312	11	3.769.763.944	3.440.809.526
2. Người mua trả tiền trước	313	12	10.257.663.631	687.558.176
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	1.082.755.543	821.754.610
4. Chi phí phải trả	316		35.000.000	70.000.000
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		-	33.870.645
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>37.638.380.498</b>	<b>37.339.499.363</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>14</b>	<b>37.638.380.498</b>	<b>37.339.499.363</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		35.000.000.000	35.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.638.380.498	2.339.499.363
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>52.783.563.616</b>	<b>42.393.492.320</b>

Hoàng Văn Ty  
Giám đốc  
Thái Bình, ngày 17 tháng 03 năm 2014

Vũ Thị Hằng  
Kế toán trưởng

Vũ Thị Hằng  
Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**MẪU B 02-DN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	38.870.987.510	25.051.077.015
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		38.870.987.510	25.051.077.015
3. Giá vốn hàng bán	11	17	29.142.714.954	20.485.149.463
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		9.728.272.556	4.565.927.552
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		934.665	1.437.837
6. Chi phí tài chính	22		5.950.550	1.771.353
- Bao gồm: Chi phí lãi vay	23		5.950.550	1.771.353
7. Chi phí bán hàng	24	19	6.757.555.712	1.836.331.920
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	20	2.567.054.558	1.786.627.117
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		398.646.401	942.634.999
10. Thu nhập khác	31		-	323.300.000
11. Chi phí khác	32		138.221	799.774.451
12. Lợi nhuận (lỗ) khác (40=31-32)	40		(138.221)	(476.474.451)
13. (50=30+40)	50		398.508.180	466.160.548
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	99.627.045	81.578.095
15. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế (60=50-51-52)	60		298.881.135	384.582.453
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		85	110

Hoàng Văn Ty  
Giám đốc  
Thái Bình, ngày 17 tháng 03 năm 2014

Vũ Thị Hằng  
Kế toán trưởng

Vũ Thị Hằng  
Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

MẪU B 03-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm	
		2013	2012
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<b>01</b>	<b>398.508.180</b>	<b>466.160.548</b>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>		<b>1.146.901.045</b>	<b>816.465.282</b>
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.140.950.495	814.693.929
- Chi phí lãi vay	06	5.950.550	1.771.353
<i>3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</i>	<b>08</b>	<b>1.545.409.225</b>	<b>1.282.625.830</b>
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(3.095.802.077)	13.082.947.620
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(5.223.542.449)	(3.521.008.786)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	9.669.021.479	(5.941.747.287)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	237.841.293	(604.637.145)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(5.950.550)	(91.536.828)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(153.711.904)	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	89.765.474
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<b>20</b>	<b>2.973.265.017</b>	<b>4.296.408.878</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(4.351.584.877)	(427.034.545)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	323.300.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(10.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	10.000.000.000	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<b>30</b>	<b>(4.351.584.877)</b>	<b>(103.734.545)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	4.900.000.000	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.900.000.000)	(2.876.856.701)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>(2.876.856.701)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(1.378.319.860)</b>	<b>1.315.817.632</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>2.152.126.680</b>	<b>836.309.048</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>773.806.820</b>	<b>2.152.126.680</b>

*Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ*

Tài sản cố định phát sinh tăng do mua sắm trong năm không bao gồm phần chưa được thanh toán với số tiền 430.000.000 đồng, vì vậy một khoản tương ứng đã được điều chỉnh giảm trên chỉ tiêu các khoản phải trả.

Hoàng Văn Ty  
Giám đốc  
Thái Bình, ngày 17 tháng 03 năm 2014

Vũ Thị Hằng  
Kế toán trưởng

Vũ Thị Hằng  
Người lập biểu



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Tiến Trung được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1000332857 ngày 10/04/2003 và được đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 17/12/2010. Cho đến nay, Công ty đã được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 30/07/2012 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 6 ngày 30/07/2012 là 35.000.000.000 đồng.

Danh sách cổ đông sáng lập:

<b>Danh sách cổ đông sáng lập</b>	<b>Số cổ phần</b>	<b>Giá trị cổ phần (VND)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
Hoàng Văn Ty	655.400	6.554.000.000	18,73
Nguyễn Tuyết Nhung	500.000	5.000.000.000	14,29
Nguyễn Thị Mến	275.000	2.750.000.000	7,86
Đặng Ngọc Thông	157.500	1.575.000.000	4,50
Hoàng Thị Kim	157.500	1.575.000.000	4,50
<b>Cộng</b>	<b>1.745.400</b>	<b>17.454.000.000</b>	<b>49,87</b>

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2013 là 142 người (tại ngày 31/12/2012 là 59 người).

**Ngành nghề kinh doanh chính**

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết vận tải hàng hóa đường bộ bằng xe tải;
- Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất bộ đá xây dựng, sản xuất đá mài, đá rã, đá đánh bóng và các sản phẩm đá tự nhiên, đá nhân tạo (bao gồm sản phẩm kết dính trên nền xốp như giấy cát...); Sản xuất đá xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi tiết, bán buôn xi măng, gạch xây, ngói đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, vecni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung để ghi sổ kế toán.

**Các bên liên quan**

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

- Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình là công ty Con do Công ty sở hữu 100%;
- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

**Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định**

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp**

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Theo đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Ban Giám đốc Công ty đánh giá tất cả các khoản nợ phải thu đều có khả năng thu hồi, không có khoản nào khó đòi cần phải trích lập dự phòng theo quy định.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho là cát, đá được Công ty kiểm kê dựa vào hình dáng của đồng cát, đá sau đó đo đạc chiều cao, chiều dài và chiều rộng của khối cát hoặc đồng đá để tính ra khối lượng tồn kho của mỗi loại. Ban Giám đốc tin tưởng rằng phương pháp kiểm kê này là phù hợp, số dư hàng tồn kho trình bày trên báo cáo tài chính là hợp lý.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	05-15
Máy móc thiết bị	08-12
Phương tiện vận tải	03-10

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	770.329.173	2.147.092.055
Tiền gửi ngân hàng	3.477.647	5.034.625
	<b>773.806.820</b>	<b>2.152.126.680</b>

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN**

	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH xây dựng Trường Tin	821.674.000	-
Công ty TNHH Long Triều	1.301.100.003	1.301.100.003
Công ty Cổ phần Xây dựng thủy lợi Ninh Bình	870.100.000	-
Nguyễn Xuân Cảnh	-	418.073.436
Công ty Đầu tư và công nghệ Trường Sơn	-	569.630.000
Công ty TNHH nguyên liệu gốm sứ Hoàng Anh	2.173.568.000	-
Công ty Cổ phần đầu tư Trường Giang	3.060.755.500	1.255.229.956
Đối tượng khác	2.979.706.736	4.499.468.379
	<b>11.206.904.239</b>	<b>8.043.501.774</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**7. HÀNG TỒN KHO**

	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu vật liệu	1.632.973.796	4.164.741.092
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	13.358.940.331	-
Hàng hoá	2.582.437.116	8.467.390.902
<b>Cộng</b>	<b>17.574.351.243</b>	<b>12.632.131.994</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho</b>	<b>17.574.351.243</b>	<b>12.632.131.994</b>

(\*) Trong đó chủ yếu là chi phí phát sinh liên quan đến việc xây dựng nhà máy gạch Tuynel Phong Phú tại Xóm Trống, xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình chưa hoàn thành. Dự kiến sau khi xây dựng hoàn thành, nhà máy sẽ được chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình (Công ty con) quản lý và sử dụng

Ban giám đốc Công ty đã xem xét chi tiết số dư hàng tồn kho tại ngày 31/12/2013 không thấy có hàng tồn kho nào cần phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<b>Nhà xưởng, vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận tải VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>	<b>1.077.549.133</b>	<b>2.535.238.096</b>	<b>3.991.057.716</b>	<b>7.603.844.945</b>
Mua trong kỳ	281.323.200	340.909.090	1.425.167.272	2.047.399.562
Ghi tăng do XDCB hoàn	6.398.768.336	-	-	6.398.768.336
Giảm do phân loại lại	(303.573.900)	-	(35.000.000)	(338.573.900)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>7.454.066.769</b>	<b>2.876.147.186</b>	<b>5.381.224.988</b>	<b>15.711.438.943</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY</b>				
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>	<b>528.697.165</b>	<b>832.092.144</b>	<b>914.942.973</b>	<b>2.275.732.282</b>
Khấu hao trong kỳ	451.516.114	242.531.776	491.002.955	1.185.050.845
Giảm do phân loại lại	(20.860.975)	(14.545.311)	(8.694.064)	(44.100.350)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>959.352.304</b>	<b>1.060.078.609</b>	<b>1.397.251.864</b>	<b>3.416.682.777</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>	<b>548.851.968</b>	<b>1.703.145.952</b>	<b>3.076.114.743</b>	<b>5.328.112.663</b>
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>6.494.714.465</b>	<b>1.816.068.577</b>	<b>3.983.973.124</b>	<b>12.294.756.166</b>

**9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>
Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình (*)	10.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>10.000.000.000</b>

Ghi chú: (\*) Theo Quyết định Đại hội đồng quản trị số 156 và 157/2012/BB – CT ngày 01/09/2012 và Biên bản hội đồng quản trị số 1021/2012/BB – CT ngày 01/09/2012 của Công ty Cổ phần Công nghệ Tiến Trung quyết định góp vốn thành lập Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình với số vốn góp là 10.000.000.000 đồng, chiếm 100% tổng vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (Tiếp theo)**

Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5400411211 ngày 19/09/2012. Công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng dự án Nhà máy gạch Tuynel Phong Phú tại Xóm Trọng, xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình theo Giấy chứng nhận đầu tư số 25121000413 ngày 10/06/2013 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hòa Bình với thời gian đầu tư xây dựng dự án dự kiến từ tháng 05/2013 đến tháng 12/2014.

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tại ngày 01 tháng 01</b>	-	23.477.073
Phát sinh tăng	462.117.307	-
Kết chuyển vào chi phí	(130.856.297)	(23.477.073)
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>331.261.010</b>	<b>-</b>

**11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Thương mại Hà Cấn	440.002.250	-
Công ty TNHH Huyndai Thái Bình	473.000.000	-
Công ty TNHH vật liệu xây dựng 688 Ninh Cường	807.840.000	-
Công ty TNHH MTV thương mại và dịch vụ Nhân Hậu	405.250.000	-
Công ty TNHH Hiền Anh	148.106.000	661.606.000
Công ty CP Xăng dầu đầu khí Thái Bình	314.486.010	32.249.070
Công ty Cổ phần vật liệu xăng dầu hoá chất Thái Bình	72.676.400	146.931.350
Công ty cổ phần Cao Su Sao Vàng	-	170.269.911
Các đối tượng khác	1.108.403.284	2.429.753.195
<b>Cộng</b>	<b>3.769.763.944</b>	<b>3.440.809.526</b>

**12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình	9.500.000.000	-
Nhà máy gạch Mikado	-	479.676.991
Đối tượng khác	757.663.631	207.881.185
<b>Cộng</b>	<b>10.257.663.631</b>	<b>687.558.176</b>

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	745.561.824	384.187.936
Thuế thu nhập doanh nghiệp	332.616.878	432.989.833
Thuế thu nhập cá nhân	4.576.841	4.576.841
<b>Cộng</b>	<b>1.082.755.543</b>	<b>821.754.610</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn điều lệ	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư tại ngày 01/01/2012</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>1.954.872.910</b>	<b>36.954.872.910</b>
Lợi nhuận (lỗ) trong năm	-	384.582.453	384.582.453
Tăng khác	-	44.000	44.000
<b>Số dư tại ngày 01/01/2013</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>2.339.499.363</b>	<b>37.339.499.363</b>
Lợi nhuận (lỗ) trong năm	-	298.881.135	298.881.135
<b>Số dư tại ngày 31/12/2013</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>2.638.380.498</b>	<b>37.638.380.498</b>

*Vốn điều lệ*

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 6 ngày 30/07/2012, Vốn điều lệ của Công ty là 35.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

Danh sách cổ đông sáng lập	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 6		Vốn đã góp	
	VND	%	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Hoàng Văn Ty	6.554.000.000	18,7%	6.554.000.000	14.700.000.000
Nguyễn Tuyết Nhung	5.000.000.000	14,3%	5.000.000.000	11.550.000.000
Nguyễn Thị Mến	2.750.000.000	7,9%	2.750.000.000	5.600.000.000
Đặng Ngọc Thông	1.575.000.000	4,5%	1.575.000.000	1.575.000.000
Hoàng Thị Kim	1.575.000.000	4,5%	1.575.000.000	1.575.000.000
Các cổ đông khác	17.546.000.000	50,1%	17.546.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>35.000.000.000</b>

**Cổ phiếu**

	31/12/2013 Cổ phiếu	01/01/2013 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.500.000	3.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.500.000	3.500.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.500.000	3.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.500.000	3.500.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

**15. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

*Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Thời điểm hiện tại, lĩnh vực kinh doanh của Công ty tập trung vào khai thác đất, đá, cát, sỏi, sản xuất và buôn bán vật liệu xây dựng. Không có các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực khác, theo đó Công ty không áp dụng lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

*Bộ phận theo khu vực địa lý*

Do Công ty không hoạt động tại các địa điểm khác nhau, do đó Công ty không áp dụng lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	16.312.446.429	6.552.993.423
Doanh thu cung cấp dịch vụ	22.558.541.081	18.498.083.592
<b>Cộng</b>	<b>38.870.987.510</b>	<b>25.051.077.015</b>

**17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	8.853.836.601	3.878.633.281
Giá vốn dịch vụ	20.288.878.353	16.606.516.182
<b>Cộng</b>	<b>29.142.714.954</b>	<b>20.485.149.463</b>

**18. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.343.189.049	8.639.096.053
Chi phí nhân công trực tiếp	6.563.047.033	4.867.228.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.170.505.534	846.591.676
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.168.998.663	3.164.401.347
Chi phí khác bằng tiền	822.173.766	2.611.014.021
<b>Cộng</b>	<b>35.067.914.045</b>	<b>20.128.331.097</b>

**19. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.761.381.896	1.208.414.595
Chi phí nhân công trực tiếp	970.557.038	47.631.755
Chi phí khấu hao tài sản cố định	375.147.445	134.032.615
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.357.753.366	306.098.955
Chi phí khác bằng tiền	292.715.967	140.154.000
<b>Cộng</b>	<b>6.757.555.712</b>	<b>1.836.331.920</b>

**20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	648.976.906	415.117.512
Chi phí nhân công trực tiếp	905.832.000	772.821.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	263.931.556	178.023.267
Chi phí dịch vụ mua ngoài	218.856.297	366.701.807
Chi phí khác bằng tiền	529.457.799	53.963.531
<b>Cộng</b>	<b>2.567.054.558</b>	<b>1.786.627.117</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>398.508.180</b>	<b>466.160.548</b>
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>398.508.180</b>	<b>466.160.548</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	(34.962.042)
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>99.627.045</b>	<b>81.578.095</b>

Công ty đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(773.806.820)	(2.152.126.680)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	35.000.000.000	35.000.000.000
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	773.806.820	2.152.126.680
Các khoản phải thu ngắn hạn	11.206.904.239	8.043.501.774
<b>Cộng</b>	<b>11.980.711.059</b>	<b>10.195.628.454</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	3.769.763.944	3.769.763.944
Chi phí phải trả	35.000.000	35.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.804.763.944</b>	<b>3.804.763.944</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty không phát sinh các khoản vay, tiền gửi có giá trị lớn theo đó, Công ty không đánh giá ảnh hưởng của rủi ro thị trường liên quan đến lãi suất; các rủi ro liên quan đến tỷ giá hối đoái, Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa***

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 năm đến VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>			
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	773.806.820	-	773.806.820
Các khoản phải thu ngắn hạn	11.206.904.239	-	11.206.904.239
<b>Tổng tài sản tài chính</b>	<b>11.980.711.059</b>	<b>-</b>	<b>11.980.711.059</b>
<b>Công nợ tài chính</b>			
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>			
Vay ngắn hạn	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	3.769.763.944	-	3.769.763.944
Chi phí phải trả	35.000.000	-	35.000.000
<b>Tổng nợ tài chính</b>	<b>3.804.763.944</b>	<b>-</b>	<b>3.804.763.944</b>
<b>Mức chênh lệch thanh khoản ròng</b>	<b>8.175.947.115</b>	<b>-</b>	<b>8.175.947.115</b>
	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 năm đến VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>			
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.152.126.680	-	2.152.126.680
Các khoản phải thu ngắn hạn	8.225.769.561	-	8.225.769.561
<b>Tổng tài sản tài chính</b>	<b>10.377.896.241</b>	<b>-</b>	<b>10.377.896.241</b>
<b>Công nợ tài chính</b>			
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>			
Vay ngắn hạn	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	3.474.680.171	-	3.474.680.171
Chi phí phải trả	70.000.000	-	70.000.000
<b>Tổng nợ tài chính</b>	<b>3.544.680.171</b>	<b>-</b>	<b>3.544.680.171</b>
<b>Mức chênh lệch thanh khoản ròng</b>	<b>6.833.216.070</b>	<b>-</b>	<b>6.833.216.070</b>

Mức chênh lệch thanh khoản ròng của Công ty đều dương chứng tỏ khả năng thanh khoản của Công ty được đánh giá khá tốt. Tuy nhiên, Công ty đã thực hiện giám sát rủi ro về thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền mà Ban giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

**23. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**24. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã kiểm toán.

---

**Hoàng Văn Ty**  
**Giám đốc**

*Thái Bình, ngày 17 tháng 03 năm 2014*

---

**Vũ Thị Hằng**  
**Kế toán trưởng**

---

**Vũ Thị Hằng**  
**Người lập biểu**